

Số: 37/2019/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về việc thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đối với công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2051/TTr-SXD ngày 10 tháng 7 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đối với công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng KTN, KTTH, TH, KGVX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Thư**

**QUY ĐỊNH**

**Về việc thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đối với công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về trình tự thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đối với công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang. Khi Bộ, ngành Trung ương ban hành văn bản có nội dung được quy định tại văn bản này sẽ thực hiện theo quy định của Trung ương.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Quyết định này áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Khuyến khích áp dụng Quyết định này đối với các dự án đầu tư xây dựng có nguồn vốn khác.

**Điều 2. Trình tự, thời điểm lập dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường**

1. Đối với dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của mình về dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi trình thẩm định dự án.

2. Đối với dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường: chủ đầu tư tổ chức lập và trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường đồng thời với việc thẩm định dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật.

### **Điều 3. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt dự toán báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện của mình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm cập nhật kết quả phê duyệt dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ đầu tư để trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án.

### **Điều 4. Thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường**

Cơ quan chủ trì thẩm định dự án chịu trách nhiệm thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường. Cụ thể :

1. Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh :

- Sở Xây dựng thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường các công trình dân dụng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị, đường tỉnh lộ qua đô thị).

- Sở Giao thông Vận tải thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường các công trình giao thông (kể cả đường tỉnh qua đô thị).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Sở Công thương thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường các công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình công nghiệp chuyên ngành.

2. Phòng Quản lý đô thị, phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường các dự án, công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

### **Điều 5. Nội dung dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường**

1. Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của cấp tỉnh (hoặc cấp huyện):

a) Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường với nội dung và phương pháp xác định dự toán chi phí theo quy định.

b) Chi phí viết báo cáo được quy định như sau :

- Đối với dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính, xem mỗi chương trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là một chuyên đề. Chi phí viết báo cáo được tính không quá 5 chương x 5.000.000 đồng/chương = 25 triệu đồng (theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi

trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và môi trường thì nội dung công tác đánh giá tác động môi trường gồm 05 chương).

Đối với những dự án có tính chất đặc thù về môi trường (xử lý rác, xử lý nước thải...) thì số lượng chuyên đề (nhiệm vụ) được tính thêm cho phù hợp tính chất của dự án trong trường hợp tư vấn có đề xuất giải pháp công nghệ xử lý nước thải hay xử lý chất thải.

- Đối với dự toán chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường: chi phí viết báo cáo được tính không quá 5.000.000 đồng.

c) Các chi phí khảo sát, lấy mẫu thí nghiệm, chi phí giám sát môi trường và các phụ phí (văn phòng phẩm, đi lại...) được tính theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn tổ chức lập dự toán báo cáo đánh giá tác động môi trường với nội dung và phương pháp xác định dự toán chi phí theo quy định. Giá trị dự toán được lập không quá giá trị trần quy định tại phụ lục đính kèm Quyết định này. Trường hợp điều chỉnh, mở rộng báo cáo đánh giá tác động môi trường thì được tính theo phạm vi tổng thể của dự án.

### **Điều 6. Xử lý chuyển tiếp**

1. Các hợp đồng tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện trước khi Quyết định này có hiệu lực được thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký.

2. Đối với các dự án (báo cáo kinh tế kỹ thuật) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt với dự toán chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường tạm tính thì chủ đầu tư tổ chức lập dự toán trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định để làm cơ sở chọn thầu, ký kết hợp đồng thực hiện.

### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có chỉ đạo kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Thư**

**PHỤ LỤC**  
**GIÁ TRỊ TRẦN CỦA DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
*(kèm theo Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2019*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Số tt	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức dự toán đối với các nhóm dự án (triệu đồng)					
		1	2	3	4	5	6
1	Đến 10	80	86	88	92	96	60
2	Trên 10 đến 20	125	130	135	140	150	90
3	Trên 20 đến 50	210	220	225	230	240	150
4	Trên 50 đến 100	375	380	390	410	430	270
5	Trên 100 đến 200	415	420	430	450	470	300
6	Trên 200 đến 500	540	550	560	590	620	390
7	Trên 500 đến 1.000	610	620	635	660	690	440
8	Trên 1.000 đến 1.500	650	670	685	720	750	480
9	Trên 1.500 đến 2.000	670	680	700	735	765	490
10	Trên 2.000 đến 3.000	700	710	730	760	790	510
11	Trên 3.000 đến 5.000	725	740	760	790	820	530
12	Trên 5.000 đến 7.000	770	780	800	840	870	560
13	Trên 7.000	840	860	880	920	960	610

**Ghi chú:**

Nhóm dự án:

- a) Nhóm 1. Dự án công trình dân dụng.
- b) Nhóm 2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông).
- c) Nhóm 3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi.
- d) Nhóm 4. Dự án giao thông.
- đ) Nhóm 5. Dự án công nghiệp.
- e) Nhóm 6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên).

*\* Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức trần của nhóm có mức dự toán cao nhất./.*